

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA NỮ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

● NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

TÓM TẮT:

Bất lợi của nữ giới trong các hoạt động như nghiên cứu khoa học (NCKH) là vấn đề của Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Mặc dù tỉ lệ nữ tham gia vào NCKH và đạt giải Nobel có xu hướng ngày càng tăng, nhưng sự mất cân bằng giữa nam và nữ vẫn còn rất lớn. Chính vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động NCKH của nữ giảng viên (NGV) trường đại học, bài viết sẽ phân tích các thực trạng về hoạt động NCKH của NGV, đồng thời phân tích các yếu tố tác động đến thành tích NCKH của NGV. Trên cơ sở đó, từ góc độ của nhà quản lý, đề xuất các hướng giải pháp giúp nâng cao thành tích NCKH của NGV. Bài báo thực hiện nghiên cứu thí điểm cho trường hợp của Trường Đại học Giao thông Vận tải. Một cuộc khảo sát đã được thực hiện với 200 mẫu là NGV Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Từ khóa: nghiên cứu khoa học, nữ giảng viên, trường đại học.

1. Đặt vấn đề

Bất lợi của nữ giới so với nam giới trong hoạt động NCKH, khiến cho thành tích NCKH của NGV so với nam giảng viên nhìn chung chưa cao. Theo Marja Makarow, Chủ tịch Viện Hàn lâm châu Âu: “Khi số lượng nữ giáo sư không đủ, họ sẽ không trở thành trưởng khoa hay lãnh đạo trường đại học. Phụ nữ cũng không tham gia vào các hội đồng nghiên cứu”. Bên cạnh đó bà cũng cho rằng: “Sự xuất chúng không nên bị tác động bởi các yếu tố thứ cấp

như giới tính hay quốc tịch. Tuy nhiên, các tổ chức cần chú ý đến nhu cầu của những người phụ nữ muốn ứng tuyển và khuyến khích họ”. Năm 2022, có 2 nữ đạt giải Nobel trên tổng số 12 giải (chiếm 16,7%). Theo số liệu thống kê từ năm 1901 đến nay, có 61 nữ đạt giải Nobel trên tổng số 898 giải đã được trao (chiếm 6,8%). Qua đó cho thấy, bất lợi của nữ giới trong các hoạt động như NCKH là vấn đề chung của Việt Nam và của toàn thế giới. Mặc dù tỉ lệ nữ tham gia vào NCKH và đạt giải Nobel có

xu hướng ngày càng tăng, nhưng sự mất cân bằng giữa nam và nữ vẫn còn rất lớn. Chính vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động NCKH của NGV trường đại học, bài viết này sẽ phân tích các thực trạng về hoạt động NCKH của NGV, đồng thời phân tích các yếu tố tác động đến thành tích NCKH của NGV, trên cơ sở đó, đề xuất các hướng giải pháp giúp nâng cao thành tích NCKH của NGV. Nội dung trình bày gồm có 3 phần chính : (i). Thực trạng NCKH của NGV Trường Đại học Giao thông Vận tải ; (ii). Các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích NCKH của NGV Trường Đại học Giao thông Vận tải ; (iii). Định hướng giải pháp, từ góc độ của nhà quản lý, giúp nâng cao thành tích NCKH của NGV Trường Đại học Giao thông Vận tải.

2. Phương pháp tiếp cận

Một cuộc khảo sát phỏng vấn với 200 NGV tại Trường Đại học Giao thông Vận tải đã được thực hiện. Khảo sát gồm 2 phần : (i). Phần khảo sát RP (reveal preference) về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng và điều kiện cần thiết cho hoạt động NCKH của NGV ; (ii). Phần khảo sát SP (stated preference) về khả năng nâng cao thành tích NCKH của NGV nếu các điều kiện cần thiết cho hoạt động NCKH được cải thiện. Mẫu khảo sát có đủ tính đại diện theo độ tuổi từ dưới 30 tuổi đến 60 tuổi, theo trình độ (từ cử nhân cho đến phó giáo sư/giáo sư), theo tình trạng hôn nhân gia đình và theo đặc điểm đã từng hoặc chưa từng đi du học.

3. Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến thành tích nghiên cứu khoa học

Dù chiếm 30% về số lượng, nhưng tổng số giờ NCKH quy đổi của NGV năm 2021 chỉ chiếm 20% trên tổng số giờ quy đổi toàn trường. Thống kê cho thấy, các bài báo quốc tế có tác giả chính là NGV chỉ chiếm 0,6% trong tổng số bài báo quốc tế được xuất bản giai đoạn 2016 - 2021. Tỷ lệ bài báo hội nghị hội thảo và chủ nhiệm đề tài cấp trường có tác giả chính và chủ nhiệm đề tài là NGV chỉ chiếm 15% trong tổng số hội nghị hội thảo và đề tài cấp trường được xuất bản giai đoạn 2016 - 2021. Tỷ lệ các bài báo trong nước có tác giả chính là NGV, cao nhất trong các sản phẩm

NCKH, cũng chỉ chiếm 24% trong tổng số bài báo trong nước được xuất bản giai đoạn 2016 - 2021. Trung bình một năm, mỗi NGV có 0,38 bài báo trong nước với tư cách tác giả chính, 0,17 bài báo hội nghị hội thảo với tư cách tác giả chính, 0,05 đề tài cấp trường với tư cách chủ nhiệm đề tài, 0,005 bài báo quốc tế với tư cách tác giả chính. Đối với tất cả các loại sản phẩm khoa học, sản lượng trung bình của NGV đều thấp hơn nhiều lần so với nam giảng viên, trong đó sản phẩm báo quốc tế và sách là thấp hơn rất nhiều.

Có rất nhiều yếu tố có thể kể đến có ảnh hưởng đến thành tích NCKH của các NGV. Trong đó có thể chia thành 3 nhóm yếu tố chính: (i). Nhóm yếu tố về nhân chủng học (giới tính, tuổi tác, trình độ, lĩnh vực ngành nghề, tình trạng hôn nhân, gia đình, mức thu nhập, sở thích, sức khỏe, tâm lý, ...); (ii). Nhóm yếu tố về môi trường làm việc hay các điều kiện cần thiết phục vụ cho NCKH (đặc điểm cơ sở giáo dục mà NGV đang làm việc, chế độ đãi ngộ, chế độ chính sách riêng cho nữ, sự hỗ trợ về kinh phí, quỹ thời gian, CSVC, trang thiết bị, phần mềm, tài liệu tham khảo, chế độ khen thưởng, thủ tục hành chính, ...); (iii). Các yếu tố ngoại cảnh khác (thời tiết, khí hậu, đặc điểm văn hóa, phong tục, quan niệm, bình đẳng xã hội của từng quốc gia, địa phương, ...). Trong phân tích này, chúng ta chỉ tập trung vào các yếu tố chính liên quan đến hoàn cảnh cá nhân của mỗi giảng viên (như tuổi tác, trình độ, tình trạng hôn nhân, gia đình và các yếu tố về điều kiện cần thiết cho NCKH mà nhà trường có thể tác động được.

Theo số liệu thống kê cho thấy: (i). Số lượng bài báo có khen thưởng bị ảnh hưởng nhiều bởi trình độ học vấn, học hàm, học vị; (ii). Số lượng đề tài cấp trường bị ảnh hưởng nhiều bởi tuổi tác và trình độ học vấn, học hàm, học vị; (iii). Số lượng đề tài trên cấp trường bị ảnh hưởng bởi trình độ. Như vậy cho thấy, thành tích NCKH của NGV chủ yếu phụ thuộc vào trình độ và tuổi tác. Số liệu thống kê không cho thấy các yếu tố về gia đình hay kinh nghiệm đã từng học tập và nghiên cứu tại nước ngoài ảnh hưởng đến thành tích NCKH của NGV.

Bảng 1. Yếu tố tác động đến thành tích nghiên cứu khoa học của nữ giảng viên

		Cơ sở	Tuổi	Trình độ	Học nước ngoài	Hôn nhân, gia đình
Bảo không thưởng	Cor.	0.056	0.084	0.116	-0.124	0.150
	Sig.	0.629	0.451	0.306	0.462	0.174
	N	61.000	61.000	61.000	29.000	61.000
Bảo có khen thưởng	Cor.	-0.142	0.187	.354**	0.256	0.141
	Sig.	0.242	0.111	0.003	0.151	0.224
	N	61.000	61.000	61.000	29.000	61.000
Đề tài cấp trường	Cor.	-.375	0.210	0.236	-0.018	0.101
	Sig.	0.003	0.079	0.053	0.921	0.397
	N	61.000	61.000	61.000	29.000	61.000
Đề tài trên cấp trường	Cor.	-0.229	0.056	.269*	0.039	0.014
	Sig.	0.073	0.646	0.031	0.836	0.911
	N	61.000	61.000	61.000	29.000	61.000
Sách	Cor.	-.322	0.132	0.186	0.053	-0.005
	Sig.	0.012	0.287	0.139	0.779	0.968
	N	61.000	61.000	61.000	29.000	61.000

Nguồn: Tác giả thực hiện

Khi xem xét đến các điều kiện cần thiết cho NCKH, chúng ta thấy rằng chỉ số trung bình thể hiện cho mức độ đủ hay thiếu của tất cả các điều kiện cần thiết đều âm. Chính tổ đối với đại đa số NGV, các điều kiện cần thiết cho NCKH đều không đủ. Trong đó, điều kiện về nhân lực hỗ trợ trong NCKH, kinh phí cần thiết cho NCKH và cần

có người hướng dẫn là 3 điều kiện nhiều NGV thấy thiếu nhất.

4. Định hướng giải pháp

Để có định hướng giải pháp phù hợp với NGV Trường Đại học Giao thông Vận tải, tác giả đã hỏi về mức quan trọng của các điều kiện cần cải thiện để giúp chị em NGV nâng cao thành tích NCKH

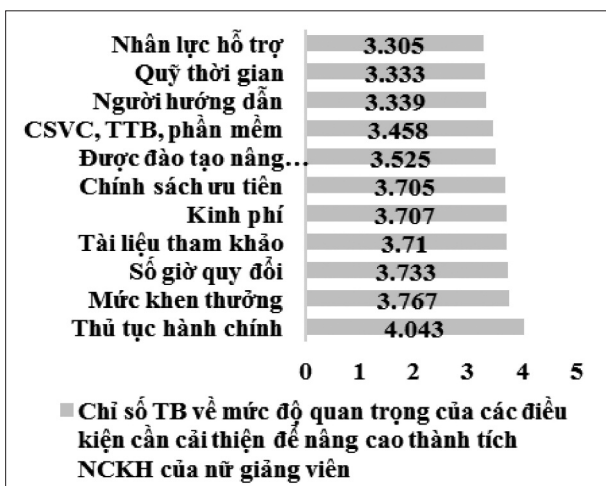
Bảng 2. Mức độ thiếu đủ điều kiện cần thiết cho nghiên cứu khoa học của nữ giảng viên

	Số mẫu	Mean	Err	Min	Max
Nhân lực hỗ trợ	200	-0.707	0.496	-1	1
Kinh phí	200	-0.667	0.512	-1	1
Người hướng dẫn	199	-0.632	0.522	-1	1
CSVC, TTB, phần mềm	200	-0.614	0.491	-1	0
Nhóm nghiên cứu	200	-0.526	0.538	-1	1
Thời gian	200	-0.483	0.567	-1	1
Hiểu biết, kinh nghiệm	200	-0.39	0.558	-1	1
Tài liệu tham khảo	199	-0.387	0.558	-1	1

Ghi chú: -1: Thiếu; 0: Đủ; 1: Thừa

Nguồn: Tác giả thực hiện

của mình, kết quả thống kê cho thấy : (i). Tất cả các điều kiện đều có chỉ số trung bình thể hiện mức độ quan trọng lớn hơn 3. Điều này thể hiện đa số các chị em đều cho rằng việc cải thiện các yếu tố điều kiện này đều quan trọng và rất quan trọng; (ii). Thủ tục hành chính liên quan đến các hoạt động NCKH là yếu tố mà tỉ lệ các chị em cho rằng quan trọng và rất quan trọng cần cải thiện là lớn nhất; (iii). Các yếu tố quan trọng tiếp theo cần cải thiện là mức khen thưởng, số giờ quy đổi, tài liệu tham khảo, kinh phí cho NCKH và chính sách ưu tiên cho NGV liên quan đến NCKH.



Với giả thiết là các điều kiện cần thiết cho NCKH được cải thiện như nhu cầu của chị em sẽ giúp thành tích NCKH của NGV nâng cao như thế nào. Kết quả thống kê cho thấy các tín hiệu rất khả quan: (i). Đối với sản phẩm là bài báo không được khen thưởng, có 10% chị em thuộc nhóm không có sản phẩm nào một năm chuyển sang nhóm có sản phẩm mỗi năm. 15% chị em thuộc nhóm có ít hơn 1 sản phẩm 1 năm sang nhóm có từ 1 sản phẩm 1 năm trở lên. 10% chị em thuộc nhóm có ít hơn 2 sản phẩm 1 năm sang nhóm có từ 2 sản phẩm 1 năm trở lên. Nhóm có từ 2 sản phẩm 1 năm trở lên sẽ tăng thêm 15%; (ii). Đối với sản phẩm là bài báo có được khen thưởng, có 43% chị em thuộc nhóm không có sản phẩm nào một năm chuyển sang nhóm có sản phẩm mỗi năm. 5% chị em thuộc nhóm có ít hơn 1 sản phẩm 1 năm sang nhóm có từ 1 sản phẩm 1 năm trở lên. 36% chị em thuộc nhóm có ít hơn 2 sản phẩm 1 năm sang nhóm có từ 2 sản phẩm 1 năm trở lên. Nhóm có từ 2 sản phẩm 1 năm trở lên sẽ tăng thêm 11%; (iii). Đối với sản phẩm là đề tài cấp trường, có 38% chị em thuộc nhóm không có sản phẩm nào một năm chuyển sang nhóm có sản phẩm mỗi năm. 8% chị em thuộc nhóm có ít hơn 1 sản phẩm 1 năm sang

	Số mẫu	Mean	Err	Min	Max
Thủ tục hành chính	23	4.043	0.976	2	5
Mức khen thưởng	60	3.767	0.789	2	5
Số giờ quy đổi	60	3.733	0.778	2	5
Tài liệu tham khảo	31	3.71	1.006	1	5
Kinh phí	58	3.707	0.937	1	5
Chính sách ưu tiên	61	3.705	1.022	1	5
Đào tạo nâng cao trình độ	61	3.525	0.959	1	5
CSVC, TTB, phần mềm	59	3.458	0.877	2	5
Người hướng dẫn	59	3.339	1.077	1	5
Quỹ thời gian	60	3.333	1.003	1	5
Nhân lực hỗ trợ	59	3.305	0.987	1	5
Thang điểm	1	2	3	4	5
	Rất ít quan trọng	Ít quan trọng	Khá quan trọng	Quan trọng	Rất quan trọng

nhóm có từ 1 sản phẩm 1 năm trở lên. 39% chị em thuộc nhóm có ít hơn 2 sản phẩm 1 năm sang nhóm có từ 2 sản phẩm 1 năm trở lên. Nhóm có từ 2 sản phẩm 1 năm trở lên sẽ tăng thêm 7%; (iv). Đối với sản phẩm là đề tài trên cấp trường, có 54% chị em thuộc nhóm không có sản phẩm nào một năm chuyển sang nhóm có sản phẩm mỗi năm; (v). Đối với sản phẩm là sách, có 75% chị em thuộc nhóm không có sản phẩm nào một năm chuyển sang nhóm có sản phẩm mỗi năm.

Thống kê cho thấy nếu các điều kiện cần thiết cho NCKH được cải thiện như nhu cầu thì số sản phẩm NCKH của NGV là bài báo không được khen thưởng sẽ tăng lên 1.5 lần; bài báo được khen thưởng sẽ tăng lên 3.2 lần; đề tài cấp trường sẽ tăng 4 lần; đề tài trên cấp trường tăng lên 5.3 lần; sẽ có sản phẩm là sách và bằng sáng chế của NGV, thay vì không có sản phẩm nào như hiện tại.

5. Kết luận

Một số kết luận được rút ra như sau: (i). Thực tế minh chứng là nữ giới bất lợi hơn nam giới trong lĩnh vực NCKH. Thành tích NCKH của NGV nói chung thấp hơn nam giảng viên nhiều lần; (ii). Về yếu tố tác động đến thành tích NCKH của NGV chủ yếu phụ thuộc vào trình độ, tuổi tác. Thống kê không cho thấy sự ảnh hưởng của các yếu tố về gia đình hay kinh nghiệm đã từng học tập và nghiên cứu tại nước ngoài; (iii). Đa số NGV cho rằng các điều kiện cần thiết cho NCKH đều không đủ. Trong đó, điều kiện về nhân lực hỗ trợ, kinh phí cần thiết và cần có người hướng dẫn là 3 điều kiện nhiều NGV thấy thiếu nhất; (iv). Đa số các chị em đều cho rằng việc cải thiện các điều kiện cần thiết để làm NCKH đều quan trọng và rất quan trọng. Thủ

tục hành chính liên quan đến các hoạt động NCKH là yếu tố mà tỉ lệ các chị em cho rằng quan trọng và rất quan trọng cần cải thiện là lớn nhất. Các yếu tố quan trọng tiếp theo cần cải thiện là mức khen thưởng, số giờ quy đổi, tài liệu tham khảo, kinh phí cho NCKH và chính sách ưu tiên cho NGV liên quan đến NCKH.

Về định hướng giải pháp quản lý từ phía Nhà trường, để giúp chị em NGV nâng cao thành tích NCKH, Nhà trường nên chú trọng việc cải thiện các thủ tục hành chính. Ngoài ra, Nhà trường cũng nên cân nhắc cải thiện tất cả các điều kiện, cơ chế, chính sách khác, nhất là mức khen thưởng, mức kinh phí cấp cho NCKH, quỹ thời gian dành cho NGV NCKH, CSVC, trang thiết bị, phần mềm và chính sách ưu tiên dành riêng cho NGV. Về giải pháp từ phía NGV, có những điều kiện để làm NCKH mà đa số NGV thấy thiếu, đặc biệt là nhân lực hỗ trợ và cần có người hướng dẫn, rất khó để Nhà trường có thể hỗ trợ, NGV cần tự chủ động tìm kiếm giải pháp cho mình tùy theo điều kiện thực tế của mỗi cá nhân.

Do hạn chế về thời gian và điều kiện khảo sát, bài báo này mới chỉ tập trung phân tích vào một số yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến thành tích NCKH của NGV như: điều kiện cần thiết để làm NCKH mà Nhà trường có thể tác động được; và một vài yếu tố về điều kiện cá nhân. Còn nhiều các yếu tố khác như tâm lý, tình cảm, sức khỏe, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, ... bài báo chưa phân tích được. Các kết quả nghiên cứu mở rộng trong tương lai sẽ là căn cứ để các trường và các cấp quản lý nhà nước có giải pháp quản lý, cơ chế, chính sách hỗ trợ giúp nâng cao thành tích NCKH của NGV ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

1. Ceci, S. J., & al. (2007). Why aren't more women in science? Top researchers debate the evidence. *American Psychological Association*. DOI:10.1037/11546-000.
2. Jo Handelsman, Nancy Cantor, and al. (2005). More Women In Science, *SCIENCE*, 19 Aug 2005, 309 (5738), 1190-1191.
3. Alice S. Rossi. (1965). Women in Science: Why So Few?, *SCIENCE*, 28 May 1965, 148(3674), 1196-1202.

Ngày nhận bài: 13/2/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 13/2/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 28/3/2023

Thông tin tác giả:

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Trường Đại học Giao thông Vận tải - Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh

Email: huongntt_ph@utc.edu.vn

CURRENT SITUATION AND SOLUTION ORIENTATIONS FOR ENHANCING THE SCIENTIFIC RESEARCH OF FEMALE UNIVERSITY LECTURERS

● NGUYEN THI THANH HUONG

University of Transport and Communications
- Ho Chi Minh City Campus

ABSTRACT:

The disadvantage of women in doing scientific researches is a problem in Vietnam in particular and in the world in general. Although the proportion of women participating in scientific researches and winning Nobel prizes is increasing, the imbalance between male and female researchers is still significant. Therefore, to encourage female lecturers in universities doing scientific researches, this study analyzes the current scientific research activities of female lecturers, and explores the factors affecting the scientific research achievements of female lecturers. Based on the study's findings and the management perspectives, some solutions are proposed to improve the scientific research achievements of female lecturers. This study conducts a pilot research at the University of Transport and Communications with 200 samples of the university's female lecturers.

Keywords: scientific research, female lecturer, improvement solutions, university.